

Giải pháp nâng cao chất lượng học chữ Hán cho sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Trịnh Thị Diệu Huyền

ThS. Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Received: 20/9/2024; Accepted: 25/9/2024; Published: 30/9/2024

Abstract: Chinese characters are a type of ideographic and phonetic writing, made up of strokes, each letter written in a square. According to Lo Tieu So, Chinese characters are a type of writing that is difficult to read, difficult to remember, and difficult to write. Through many years of teaching, we have seen that one of the weaknesses of the majority of students studying Chinese at the Academy of Journalism and Communication is that memorizing Chinese characters is always a big challenge. ugly and not following the rules of writing Chinese characters. Irregular, poorly written, and incorrectly written Chinese characters have a negative impact on the quality of learning Chinese characters in particular and the quality of learning Chinese in general. To be able to write Chinese characters according to the rules, in addition to having to master the basic knowledge of Chinese characters and remember the words, you must also have writing skills. This article outlines some methods for memorizing Chinese characters and writing Chinese characters to help students learning Chinese at the School of Journalism and Communication become more interested in learning Chinese characters.

Keywords: Writing Chinese characters, memorizing Chinese characters, Chinese character structure.

1. Đặt vấn đề

Chữ Hán (CH) là loại văn tự biểu ý kiêm biểu âm, được cấu tạo bằng các nét, mỗi chữ được viết trong một ô vuông. CH thuộc loại văn tự khó đọc, khó nhớ, khó viết. Qua thực tế nhiều năm giảng dạy, tôi thấy một trong những điểm yếu của đa số sinh viên (SV) học tiếng Trung tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền (BCTT) là ghi nhớ CH rất khó khăn, đồng thời viết CH xấu và không đúng theo quy tắc viết CH. Viết CH không đúng theo quy tắc, viết xấu, viết sai sẽ ảnh hưởng đến chất lượng học CH nói riêng và chất lượng học tiếng Trung nói chung. Muốn viết CH theo đúng quy tắc, ngoài việc phải nắm vững các kiến thức cơ bản về CH và nhớ chữ, còn phải có KN viết chữ. Bài viết này trình bày một số PP ghi nhớ CH và viết CH nhằm giúp SV học tiếng Trung tại Học viện BCTT học CH hiệu quả hơn và hứng thú với việc học CH.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp ghi nhớ chữ Hán

2.1.1. Khó khăn mà SV gặp phải khi học chữ Hán

CH có khoảng 90.000 chữ. Nếu như các ngôn ngữ viết bằng chữ La tinh như tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Việt chỉ cần viết từ trái qua phải với các chữ cái cố định thì cách viết CH lại hoàn toàn khác. CH là kết cấu phức tạp từ các nét và bộ, yêu cầu người học phải hiểu được âm đọc, ý nghĩa của CH chứ không đơn thuần chỉ viết lại là có thể đọc và nhớ được. Vì vậy

CH gặp rất nhiều khó khăn khi học CH. SV thường gặp phải tình trạng “học trước quên sau”. Trong bài báo này tác giả sẽ đưa ra một số PP giúp SV ghi nhớ CH dễ dàng và lâu hơn.

2.1.2. Một số PP ghi nhớ chữ Hán hiệu quả

*Tập hợp và ghi nhớ các bộ thủ phổ biến

Đa số CH đều cấu tạo từ nhiều bộ thủ, tiếng Trung có tất cả 214 bộ thủ, mỗi bộ thủ đều mang một ý nghĩa riêng, việc nắm vững được các bộ thủ sẽ giúp ích rất nhiều cho việc học và ghi nhớ CH. Bộ thủ có thể thể hiện ý nghĩa (biểu nghĩa) của chữ hoặc thể hiện âm đọc (biểu âm) của chữ, vì thế có thể dựa vào bộ thủ để phán đoán nghĩa và âm đọc.

Ví dụ biểu nghĩa:

– Những chữ có bộ thủy (水) thì thường liên quan đến nước, sông, hồ như: 江 sông, 河 sông, 海 biển...

– Những chữ có bộ mộc (木) thường liên quan đến cây cối, gỗ như: 树 cây, 林 rừng, 桥 cây cầu...

Ví dụ biểu âm:

– Những chữ có bộ sinh như 牲, 笙, 牲, 洸, 莖, 犴 đều được đọc là “shēng”.

– Những chữ có bộ 青 như 清, 请, 情, 晴 đều mang cùng thanh mẫu, vận mẫu “qing”, chỉ khác nhau thanh điệu.

SV không nhất thiết phải học thuộc 214 bộ thủ mà chỉ cần ghi nhớ một số bộ thủ cơ bản thường gặp. Sai lầm của nhiều SV mới học tiếng Trung là cố gắng

học thuộc hết 214 bộ thủ một lúc. Như vậy các em sẽ rất dễ quên. Cách hiệu quả hơn đó là học qua việc phân tích chữ Hán. Khi gặp một chữ Hán mới, đừng chỉ cố luyện viết trong vô thức, sinh viên cần tra cứu xem có những nét gì, bộ thủ gì, bộ thủ đó mang ý nghĩa gì, có liên quan gì đến nghĩa và âm đọc của chữ Hán. Học cách phân tích sâu các chữ như vậy vừa giúp sinh viên nhớ chữ Hán và vừa học bộ thủ, sẽ có hiệu quả cao hơn nhiều lần so với việc chỉ học thuộc 214 bộ thủ.

**Phương pháp chiết tự*

PP chiết tự có nghĩa là “tách chữ Hán ra để nhớ chữ”. Chiết tự chính là phân tích chữ một cách linh hoạt và sáng tạo theo một tư duy logic nhất định giúp SV nhớ chữ lâu hơn. Ví dụ:

– Chữ 休 nghĩa là “nghỉ ngơi”, chữ này được ghép từ chữ 人 (người) và chữ 木 (cây), như vậy chữ 休 có nghĩa là người dựa vào gốc cây ngồi nghỉ.

– Chữ 好 có nghĩa là “tốt”, được ghép bởi chữ 女 (phụ nữ) và chữ 子 (con trai), theo quan niệm phong kiến của Trung Quốc, phụ nữ sinh được con trai mới là tốt.

– Chữ 大 có nghĩa là to, lớn có thể nhớ nghĩa theo cách chiết tự như sau: Chữ 大 gồm có bộ nhân 亻 nghĩa là người và bộ nhất 一. Khi đứng trước biển cả to lớn mênh mông, mọi người thường dang rộng hai tay ra. Chữ 大 giống hình ảnh một người đang đứng thẳng dang rộng tay ra nghĩa là to, lớn.

2.1.3. Nhớ chữ Hán qua chữ hình thanh

Trong CH có khoảng gần 80% là chữ hình thanh. Chữ hình thanh là chữ mà trong đó có một bộ thủ đại diện cho nghĩa, một bộ thủ đại diện cho âm đọc. Khi SV nắm được ý nghĩa các bộ thủ và âm đọc của chữ Hán thì SV dễ dàng suy luận và ghi nhớ được các chữ Hán khác. Ví dụ:

Khi SV đã học được chữ “马 mã” nghĩa là con ngựa. Thì khi các em học chữ “妈妈 Māma” nhanh hơn, vì mẹ là phụ nữ, nên có bộ 女, cách phát âm từ “妈妈” cũng gần giống “ma”. Như vậy chữ 妈 là chữ hình thanh, trong đó bộ “女 nữ” nghĩa là chỉ phụ nữ (hình), bộ “马 mã” đại diện cho thanh vì có âm đọc gần giống nhau.

2.2. Phương pháp dạy viết chữ Hán

2.2.1. Kỹ thuật dạy viết các nét chữ Hán

Nét CH là đơn vị cấu thành nhỏ nhất của CH, được biểu hiện bằng các đường vạch. Do chữ Hán có kết cấu khác nhau nên các nét cũng được thể hiện khác nhau, cùng một nét nhưng trong các chữ có kết cấu khác nhau được biểu hiện bằng các dạng khác nhau. Vì thế, luyện tập viết chữ Hán phải bắt đầu từ

việc luyện viết các nét chữ. Nét chữ viết đúng hay sai, viết đẹp hay xấu đều trực tiếp ảnh hưởng đến chất lượng viết chữ Hán. Nét chữ viết ra vừa phải cứng vừa phải mềm. Nét ngang, nét sổ phải bằng phải thẳng; nét cong phải cong đều như cánh cung, nét cong gấp phải cong tròn tự nhiên. Chính vì vậy, muốn viết CH đẹp, SV ngay từ đầu phải luyện viết các nét cơ bản cho thật đẹp. Khi ghép các nét vào chữ mới có thể viết CH đẹp.

2.2.2. Kỹ thuật dạy viết bộ thủ

Bộ thủ là bộ phận cấu thành chữ, cũng là mục để tra chữ. Khi viết bộ thủ cũng cần chú ý tới vị trí của bộ thủ trong chữ. Bộ thủ có thể đứng ở nhiều vị trí: bộ thủ đứng bên trái, bộ thủ đứng bên phải, bộ thủ đứng đầu chữ, bộ thủ đứng đáy chữ. Khi viết bộ thủ, nét và hình thể chữ sẽ có một số thay đổi, nhưng cùng một bộ thủ trong những chữ hợp thể có cùng kết cấu thì cách viết cơ bản giống nhau. Vì thế, viết đẹp bộ thủ, nhất là các bộ thủ có tần suất xuất hiện nhiều là rất cần thiết.

2.2.3. Kỹ thuật dạy viết chữ hợp thể

Kết cấu của chữ hợp thể

Chữ hợp thể là chữ có kết cấu hợp thể do hai hay nhiều bộ thủ kết hợp với nhau tạo thành. Bộ thủ là thành phần cơ bản cấu thành chữ hợp thể. Cùng một bộ thủ nhưng ở các chữ khác nhau có thể ở những vị trí khác nhau và chiếm một tỉ lệ diện tích khác nhau trong chữ, vì thế tạo nên sự đa dạng về hình thức tổ hợp của chữ hợp thể. Khi viết chữ hợp thể điều quan trọng nhất là chú ý tỉ lệ giữa các bộ phận của chữ sao cho hài hoà cân đối. Kết cấu chữ hợp thể được phân thành các loại kết cấu sau:

+ Kết cấu trái phải: Chữ có kết cấu trái phải là do hai bộ phận sắp xếp theo trục ngang. Do độ rộng hẹp dài ngắn của các bộ phận cấu thành chữ khác nhau mà tạo nên các kiểu kết cấu trái phải khác nhau: Kết cấu trái phải cơ bản bằng nhau: 故, 科; Kết cấu trái hẹp, phải rộng: 使, 悦; Kết cấu trái rộng, phải hẹp: 到, 都; Kết cấu trái dài, phải ngắn: 知, 拉; Kết cấu trái ngắn, phải dài: 听, 观; Kết cấu trái chật, phải lỏng: 从, 林.

+ Kết cấu trái giữa phải: Chữ có kết cấu trái giữa phải là kiểu chữ do ba bộ phận sắp xếp theo trục ngang. Do độ rộng hẹp dài ngắn của các bộ phận khác nhau mà tạo nên các kiểu kết cấu trái giữa phải đều nhau hay không đều nhau: Kết cấu trái giữa phải cơ bản bằng nhau: 脚, 谢; Kết cấu trái giữa hẹp, phải rộng: 淋, 似; Kết cấu trái phải rộng, giữa hẹp: 辩, 班; Kết cấu trái hẹp, giữa phải rộng: 湖, 做.

+ Kết cấu trên dưới: Chữ có kết cấu trên dưới là

kiểu chữ do hai bộ phận sắp xếp theo trục dọc. Kết cấu trên dưới rộng hẹp, cao thấp của các bộ phận cấu thành chữ khác nhau mà tạo nên các kiểu kết cấu trên dưới khác nhau: Kết cấu trên dưới cơ bản bằng nhau: 委, 思; Kết cấu trên cao dưới thấp: 热, 怎; Kết cấu trên thấp dưới cao: 芳, 笔; Kết cấu trên hẹp dưới rộng: 见, 美; Kết cấu trên rộng dưới hẹp: 京, 食; Kết cấu trên chặt dưới lỏng: 吕, 哥.

+ Kết cấu trên giữa dưới: Chữ có kết cấu trên giữa dưới là kiểu chữ do ba bộ phận sắp xếp theo trục dọc. Do độ rộng hẹp cao thấp của các bộ phận khác nhau mà tạo nên các kiểu kết cấu trên giữa dưới đều nhau hay không đều nhau: Kết cấu trên giữa dưới cơ bản bằng nhau: 急, 意; Kết cấu trên dưới thấp, giữa cao: 寒, 燕; Kết cấu trên dưới to, giữa nhỏ: 奔, 常; Kết cấu trên giữa thấp, dưới cao: 等, 寄.

+ Kết cấu bao một nửa: Chữ có kết cấu bao một nửa là kiểu chữ có hai hoặc ba mặt do các nét bao tạo thành (theo khung). Do vị trí nét khác nhau mà tạo thành các kiểu chữ khác nhau: Kết cấu bao nửa trái trên: 原, 度; Kết cấu bao nửa trái dưới: 建, 这; Kết cấu bao nửa phải trên: 习, 句; Kết cấu bao ba mặt trái: 医, 巨; Kết cấu bao ba mặt trên: 同, 间; Kết cấu bao ba mặt dưới: 山, 画.

+ Kết cấu bao xung quanh: Chữ có kết cấu bao xung quanh là kiểu chữ xung quanh đều có nét bao (tạo thành khung). Bộ này gọi là bộ vi. Chữ có kết cấu bao kiểu này có chữ hình thể tương đối to và dài, có chữ hình thể hơi nhỏ và vuông, có chữ hình thể hơi bẹt và hơi dài. Chữ bao kiểu này, độ to nhỏ của khung bao cũng là độ to nhỏ của chữ: 回, 四.

+ Kết cấu hình tam giác (hình chữ phẩm): Chữ có kết cấu hình tam giác là chữ do ba bộ giống nhau được sắp xếp theo kiểu hình tam giác tạo thành. Khi viết, bộ ở trên viết ở chính giữa phía trên, hai bộ ở dưới viết cân đối hai bên trái phải. Độ to nhỏ của ba bộ cơ bản giống nhau, chú ý sự nhường nét giữa các bộ: 众, 森.

2.3. Một số cách học chữ Hán dễ nhớ

2.3.1. Tập viết chữ Hán mỗi ngày và chỉ cần nhớ các từ cơ bản và quan trọng

SV cần hiểu rằng để có thể đọc và viết tiếng Trung thì không cần biết hết 90.000 từ tiếng Trung vì ngay cả người Trung Quốc cũng không biết được hết. Về lý thuyết, chỉ 1500 từ là có thể khám phá 95% ngôn ngữ viết của mọi loại ngôn ngữ và chỉ với 500 từ thông dụng, tỷ lệ này là 80%. Muốn đọc và viết tiếng Trung nhanh, đừng phí thời gian học những từ hiếm gặp vì bạn chẳng bao giờ hoặc rất hiếm khi sử dụng mà hãy tập trung vào những từ thông dụng

nhất. Khi học CH liên quán đến các vật dụng trong nhà, SV có thể viết CH ra dán vào các vật dụng đó để hàng ngày có thể nhìn thấy CH thì dễ dàng nhớ cách viết và ý nghĩa của từ.

2.3.2. Học từ mới qua phim ảnh, bài hát và truyện tiếng Trung

Một PP rất hiệu quả để học tiếng Trung là nghe những bài hát tiếng Trung yêu thích của mình (có phụ đề phiên âm), xem phim có phụ đề và đọc truyện. Học ngoại ngữ gắn với sự yêu thích phim ảnh, tiểu thuyết sẽ tạo cho SV một động lực to lớn để học từ mới; nghe nhiều bài hát tiếng Trung cũng giúp nhớ được CH lâu hơn.

2.3.3. PP phân biệt chữ gần giống nhau

CH có rất nhiều chữ có cách viết tương tự nhau hoặc gần giống nhau. Nếu không để ý và phân biệt rõ ràng sẽ rất dễ nhầm lẫn. Ví dụ như: nhóm chữ 我找钱; 土土; 未未; 爪爪; 贝贝; 罇威戒戎戌戌戌.

Trong giai đoạn mới tiếp xúc với CH, SV sẽ thấy những chữ này rất giống nhau nên thường xuyên viết nhầm. SV hãy liệt kê những chữ giống nhau này ra và làm rõ chúng có những điểm gì khác nhau, nghĩa của từng chữ là gì để dễ dàng phân biệt chúng. Chỉ cần lưu tâm một chút là có thể dễ dàng nhận ra sự khác nhau giữa chúng.

3. Kết luận

Bồi dưỡng khả năng ghi nhớ CH và viết CH cho SV là một quá trình lâu dài và cần có sự hợp tác chặt chẽ giữa GV và SV. Viết CH cân đối, đẹp là một kỹ năng. KN này cần được rèn luyện trong một quá trình trên cơ sở nắm vững các kiến thức cơ bản về CH và cách viết CH. Khi dạy viết CH không những chỉ chú ý đến PP dạy viết nét, viết chữ mà còn phải chú ý đến việc tổ chức dạy học. Viết đúng CH đã khó, viết chữ theo đúng quy tắc, viết đẹp lại càng khó nên SV cần có sự quan tâm và đầu tư thích đáng thời gian cũng như công sức. Do đó, GV cần phải áp dụng tổng hợp nhiều biện pháp, dành nhiều thời gian, công sức, để có thể thực hiện được mục tiêu giúp SV ghi nhớ tốt CH.

Tài liệu tham khảo

1. 骆小所主编 (1999) 现代汉语引论, 云南人民出版社.
2. 赵金铭 总主编 (2006) 对外汉字教学研究, 商务印书馆
3. 丁永康 (2003) 钢笔字写新技法, 金盾出版社
4. Nhớ chữ Hán thông qua chiết tự chữ Hán, NXBTN. Hà Nội
5. 500 kí tự Tiếng Hoa cơ bản, NXB Bắc Kinh